TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 21/4/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thành Đồng
2. Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên

Ngày 21/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2021/TLST-DS, ngày 25/10/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 22/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Phan Thị H, sinh năm 1976
Địa chỉ: ấp 15, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre
- **Bị đơn**: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1990
Địa chỉ: số 139, ấp T(ấp 8), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

Anh Trần Văn Đ ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Phan Văn T (Phan Hoài T), sinh năm 1960
Địa chỉ: ấp 5, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre
(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/11/2021)
Tất cả đương sự có mặt tại tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Vào ngày 14/8/2020 anh Trần Văn Đ có mượn của chị số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để làm ăn, hứa 3 ngày sau sẽ trả cho chị (hứa miệng), không có thỏa thuận lãi suất. Chị đã đòi nhiều lần nhưng cho đến nay anh Đ vẫn không thực hiện việc trả tiền cho chị như lời đã hứa. Nay chị H yêu cầu anh Trần Văn Đ trả cho chị số tiền là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 0,83 %/tháng.

Theo người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn Đ là ông Phan

Hoài T trình bày:

Vào ngày 14/8/2020 anh Trần Văn Đ có làm giấy vay mượn của chị Phan Thị H số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 9%/tháng (cứ 100.000.000 đồng thì mỗi tháng đóng lãi 9.000.000 đồng). Đến ngày mùng 10/9/2020 âm lịch chị H có khui 1 dây hụi 3.000.000 đồng gồm 18 phần, anh Đ chơi 3 phần, chị H cho anh Đ hốt trước hết 3 phần để tạo điều kiện cho anh Đ trả nợ vay của chị H. Khi hốt được 112.800.000 đồng, chị H không giao tiền cho anh Đ mà nói là trừ vào số tiền 100.000.000 đồng mà chị H đã cho anh Đ vay cùng tiền lãi và cũng không có trả lại giấy nợ cho anh Đ, chị H có ghi 1 tờ giấy tính tiền hụi cho anh Đ và ông T có nộp cho Tòa án (Giấy không tiêu đề ghi: Hụi khui 10-9-2020 al)

Mỗi tháng anh Đ phải đóng hụi cho chị H số tiền 9.000.000 đồng, từ 10/9/2020 âm lịch đến 10/6/2021 âm lịch anh Đ đã đóng được 9 tháng với tổng số tiền 81.000.000 đồng. Từ 10/6/2021 âm lịch đến nay do dịch Covid nên không có mua bán được nên anh Đ không có tiền đóng hụi cho chị H và do chị H không đưa lại giấy nợ cũ cho anh Đ nên anh Đ không đóng hụi cho chị H nữa.

Anh Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H vì chị H đã khấu trừ tiền hụi mà anh Đ đã hốt. Hiện anh Đ không còn nợ chị H khoản vay 100.000.000 đồng nữa mà chỉ còn thiếu nợ hụi của chị H từ tháng 6/2021 âm lịch đến nay là 7 tháng với số tiền 65.000.000 đồng

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay

Nguyên đơn chị Phan Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, chị H thay đổi yêu cầu tính lãi, chị yêu cầu tính lãi của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày bị đơn nhận được thông báo thụ lý của Tòa án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Văn Đ là ông Phan Hoài T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Trần Văn Đ chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình hòa giỉa, đối chất.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Chị Phan Thị H khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn Đ trả cho chị số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bị đơn anh Trần Văn Đ hiện đang cư trú tại ấp T(ấp 8), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với số nợ gốc:

Các bên đương sự đều trình bày thống nhất là vào ngày 14/8/2020 anh Trần Văn Đ có làm giấy vay mượn của chị Phan Thị H số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy giữa chị Phan Thị H và anh Trần Văn Đ có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

Chị H trình bày chị cho anh Đ mượn tiền hai bên không có thỏa thuận lãi suất và anh Đ hứa sau 3 ngày sẽ trả tiền cho chị (hứa miệng không có làm giấy tờ). Còn phía bị đơn trình bày anh Đ mượn tiền của chị H hai bên có thỏa thuận lãi suất 9%/tháng (cứ 100.000.000 đồng thì mỗi tháng đóng lãi 9.000.000 đồng, thỏa thuận miệng) và 2 bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 14/8/2020 nhận thấy: giữa anh Đ và chị H chỉ thỏa thuận nội dung anh Đ có mượn của chị H số tiền 100.000.000 đồng, ngoài ra không thỏa thuận thêm nội dung nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa anh Đ và chị H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Chị H khởi kiện yêu cầu anh Đ trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng. Chứng cứ mà chị H cung cấp cho Tòa án là Giấy mượn tiền ngày 14/8/2020. Anh Trần Văn Đ thừa nhận có mượn chị H số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Đ cho rằng đến ngày mùng 10/9/2020 âm lịch chị H có khui 1 dây hụi 3.000.000 đồng gồm 18 phần, anh Đ chơi 3 phần, chị H cho anh Đ hốt trước hết 3 phần để tạo điều kiện cho anh Đ trả nợ vay của chị H. Khi hốt được 112.800.000 đồng, chị H không giao tiền cho anh Đ mà nói là trừ vào số tiền 100.000.000 đồng mà chị H đã cho anh Đ vay cùng tiền lãi và cũng không có trả lại giấy nợ cho anh Đ, chị H có ghi 1 tờ giấy tính tiền hụi cho anh Đ. Mỗi tháng anh Đ phải đóng hụi cho chị H số tiền 9.000.000 đồng, từ 10/9/2020 âm lịch đến 10/6/2021 âm lịch anh Đ đã đóng được 9 tháng với tổng số tiền 81.000.000 đồng. Từ 10/6/2021 âm lịch đến nay do dịch Covid nên không có mua bán được nên anh Đ không có tiền đóng hụi cho chị H và do chị H không đưa lại giấy nợ cũ cho anh Đ nên anh Đ không đóng hụi cho chị H nữa. Anh Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H vì chị H đã khấu trừ tiền hụi mà anh Đ đã hốt. Hiện anh Đ xác định không còn nợ chị H khoản vay 100.000.000 đồng nữa mà chỉ còn thiếu tiền hụi của chị H từ tháng 6/2021 âm lịch đến nay là 7 tháng với số tiền 65.000.000 đồng. Chị H không thừa nhận có việc chơi hụi với anh Đ và không thừa nhận có việc ngày mùng 10/9/2020 âm lịch chị cho anh Đ hốt hụi, nên cũng không có việc cần trừ tiền hốt hụi qua tiền vay như bị đơn trình bày. Đồng thời chị H cũng không thừa nhận chữ viết trong "Giấy không tiêu đề ghi: Hụi khui 10-9-2020 al" là do chị viết. Căn cứ vào "Giấy không tiêu đề ghi: Hụi khui 10-9-2020 al" nhận thấy: nội dung tờ giấy không thể hiện được chủ hụi và người chơi hụi là ai và không thể hiện có việc cấn trừ tiền hốt hụi vào khoản tiền vay

100.000.000 đồng hay không. Đồng thời Kết luận giám định số 452/2021/GĐTL ngày 31/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre đối với "Giấy không tiêu đề ghi: Hụi khui 10-9-2020 al" thể hiện: không đủ cơ sở để kết luận chữ viết tại mặt trước của tài liệu là chữ viết của chị H. Còn chữ viết tại mặt sau của tài liệu là không phải chữ viết của chị H. Đại diện theo ủy quyền của anh Đ là ông T cũng thừa nhận mặt sau của "Giấy không tiêu đề ghi: Hụi khui 10-9-2020 al" là chữ của người nhà chị H ghi nhưng ông không biết là ai vì có lúc anh Đ đóng tiền hụi cho chị H thì người nhà chị H nhận thay và ghi vào giấy. Như vậy, không có cơ sở để xác định có việc chơi hụi giữa chị H và anh Đ và không có cơ sở để xác định có việc cấn trừ tiền anh Đ đã hốt hụi vào khoản tiền vay 100.000.000 đồng mà anh Đ nợ chị H. Do đó, lời trình bày của phía bị đơn là không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên xét thấy, anh Trần Văn Đ thừa nhận có mượn chị Phan Thị H số tiền 100.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh là đã trả nợ rồi nên có cơ sở xác định đến nay anh Đ vẫn chưa thanh toán số nợ trên cho chị H. Việc anh Đ chậm thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H nên việc chị H khởi kiện yêu cầu anh Đ trả số tiền vay 100.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi:

* Chị Phan Thị H yêu cầu anh Trần Văn Đ phải trả tiền lãi của khoản nợ gốc 100.000.000 đồng tính từ ngày bị đơn nhận được thông báo thụ lý của Tòa án đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 0,83%/tháng.

Phía anh Trần Văn Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Xét thấy, mặc dù hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay không có lãi. Tuy nhiên, tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 có quy định trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, việc chị H yêu cầu tính lãi đối với số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở. Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp đồng vay không có kỳ hạn nên thời gian chậm trả nợ gốc được tính từ ngày bị đơn nhận được thông báo về việc bị khởi kiện. Do đó, yêu cầu tính lãi của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Theo hồ sơ vụ án thể hiện ngày anh Đ nhận được thông báo thụ lý vụ án là ngày 28/10/2021. Do đó, anh Đ phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền lãi được tính như sau:

100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x (5 tháng 23 ngày) = 4.786.333 đồng

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật; cụ thể:

(100.000.000 đồng + 4.786.333 đồng) x 5% = 5.239.316 đồng

[4] Về chi phí giám định:

Chi phí giám định là 1.950.000 đồng, bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định và đã nộp xong số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 161, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H đối với anh Trần Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc anh Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2022) tổng cộng là 104.786.333 đồng (một trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng); trong đó nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, nợ lãi là 4.786.333 đồng (bốn triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc (100.000.000 đồng) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.239.316 đồng (năm triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm mười sáu đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho chị Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.750.000 (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002024 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Về chi phí giám định:

Anh Trần Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 1.950.000 (một triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng và đã nộp xong số tiền này.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương